

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2019

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Dệt.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chiêm Thị Thạch H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị H có mặt, anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/02/2019, bản tự khai ngày 01/4/2019, nguyên đơn là chị Chiêm Thị Thạch H trình bày:

Vào năm 2014, chị và bị đơn là anh Trần Văn N có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp ngày 18/02/2014. Thời gian đầu chị và anh N chung sống hạnh phúc nhưng sau đó chị phát hiện cả hai không đồng quan điểm, không hợp tính tình nên đã xảy ra mâu thuẫn. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không giải quyết được nên chị và anh N không còn chung sống với nhau từ năm 2016. Nay, chị nhận thấy hạnh phúc gia đình đã tan vỡ, không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Trong quá trình chung sống chị và anh N có một người con chung tên là Trần Bảo N, sinh ngày 07/8/2014. Kể từ khi anh chị ly thân, chị và cháu N về quê chị tại tỉnh Sóc Trăng sinh sống cho đến nay. Thời gian qua anh N không quan tâm đến mẹ con chị. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu N, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Chị và anh N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Do vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 22 tháng 5 năm 2019. Tuy nhiên, anh N vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H trình bày hôn nhân của chị và anh N là do tự nguyện. Thời gian anh chị không chung sống với nhau đã lâu nên chị không còn tình cảm với anh N. Đối với cháu N, từ khi sinh ra đến nay cháu luôn sống với chị. Anh N không quan tâm, thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy con. Vì vậy, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Chị H thực hiện đầy đủ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh N chưa thực hiện đầy đủ quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Chiêm Thị Thạch H về việc xin ly hôn với anh Trần Văn N.

- Về con chung: Chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Trần Bảo N, sinh ngày 07/8/2014. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Chiêm Thị Thạch H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Trần Văn N. Anh N cư trú tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Anh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chiêm Thị Thạch H và anh Trần Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 02 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, theo chị H trình bày, trong quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nhưng không giải quyết được. Từ năm 2016 cho đến nay vợ chồng chị không chung sống với nhau. Hiện chị không còn tình cảm với anh N nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Với yêu cầu xin ly hôn của chị H, Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mục đích hòa giải cho chị H và anh N đoàn tụ nhưng anh N vắng mặt, không có ý kiến, để cho chị H tự giải quyết. Đồng thời tại biên bản xác minh ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thể hiện giữa chị H và anh N đã xảy ra mâu thuẫn, không còn tình cảm.

Xét thấy, giữa chị H và anh N không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bên cạnh đó, anh chị đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H để giải quyết cho chị H được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Theo hồ sơ vụ án và lời khai của chị H, chị Huệ và anh N có 01 người con chung là cháu Trần Bảo N, sinh ngày 07/08/2014. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Về phía anh N thì không có ý kiến phản đối với lời trình bày cũng như yêu cầu của chị H.

Xét thấy, cháu N là con chung của chị H và anh N. Cháu N đã sống với chị H từ nhỏ. Vì vậy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu N cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì chị H có quyền yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N. Hội đồng xét xử có giải thích việc cấp dưỡng cho con là quyền và lợi ích của cháu N. Tuy nhiên, chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con. Đây là sự tự nguyện của chị H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày chị và anh N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh N thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Chiêm Thị Thạch H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chiêm Thị Thạch H. Chị Chiêm Thị Thạch H được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày 07/08/2014 cho chị Chiêm Thị Thạch H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Chiêm Thị Thạch H không yêu cầu anh Trần Văn N cấp dưỡng cho con.

Anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị H.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N.

Chị H có quyền yêu cầu anh N cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Chiêm Thị Thạch H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000287 ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Mộng Tuyền